

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Đánh giá việc tuân thủ các quy định về hành nghề y tư nhân của các phòng khám chuyên khoa trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ năm 2020Hoàng Cẩm Việt^{1*}, Nguyễn Thị Thuý Nga²**TÓM TẮT**

Mục tiêu: Đánh giá việc tuân thủ các quy định về cơ sở hành nghề y tư nhân và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tại phòng khám chuyên khoa trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích, kết hợp định lượng với định tính. Quan sát trực tiếp 30 cơ sở hành nghề y tư nhân; phỏng vấn sâu người chịu trách nhiệm chuyên môn và 05 cán bộ quản lý hành nghề y tư nhân.

Kết quả: Kết quả cho thấy một số tiêu chí các cơ sở chưa đạt gồm: 04/30 cơ sở chưa đảm bảo các tiêu chí về điều kiện cơ sở vật chất; 10/30 cơ sở chưa đạt về xử lý rác thải y tế; 14/30 cơ sở thiếu điều kiện trang thiết bị vận chuyển cấp cứu; 13/30 cơ sở không tuân thủ các quy chế chuyên môn theo quy định; Có hai yếu tố chính ảnh hưởng tới hoạt động hành nghề y tư nhân là Công tác tác kiểm tra giám sát chưa thường xuyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn chấp hành chưa đầy đủ các quy định của pháp luật về hành nghề y tư nhân.

Kết luận: Cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đến các cơ sở hành nghề y tư nhân.

Từ khóa: Hành nghề Y tư nhân, phòng khám tư nhân, phòng khám chuyên khoa.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bên cạnh hệ thống y tế công lập, y tế tư nhân đang đóng góp đáng kể vào cung cấp dịch vụ y tế về cả khám chữa bệnh và phòng bệnh. Cơ sở hành nghề y tư nhân (HNYTN) góp phần tạo ra việc làm, thực hiện cấp cứu, khám chữa bệnh cho hàng triệu lượt người và góp phần giảm tải cho các cơ sở y tế công lập (cung cấp 43% tổng số dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú) (1). Bên cạnh những ưu điểm và lợi ích của các cơ sở HNYTN đem lại, nhưng vẫn còn đó những tồn tại và nhiều vấn đề bất cập. Năm 2019, theo báo cáo thống kê của Thanh tra Bộ Y tế, khi triển khai thanh

tra, kiểm tra công tác khám, chữa bệnh đối với tổng số 3.261 cơ sở, có 421 cơ sở vi phạm phải xử lý vi phạm hành chính (chiếm 12,9%) (2). Năm 2020, trước tình hình phức tạp của đại dịch COVID-19 trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam, việc tuân thủ các quy định của pháp luật của các cơ sở HNYTN nói chung và tại các phòng khám chuyên khoa nói riêng lại trở nên càng cần thiết.

Chính vì lý do trên, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Đánh giá việc tuân thủ các quy định về HNYTN và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng tại các phòng khám chuyên khoa trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, năm 2020.



*Địa chỉ liên hệ: Hoàng Cẩm Việt

Email: bsvietmy@gmail.com

¹Sở Y tế tỉnh Phú Thọ

²Trường đại học Y tế Công cộng

Ngày nhận bài: 21/11/2020

Ngày phản biện: 18/3/2021

Ngày đăng bài: 30/5/2021

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Áp dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang có phân tích

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6-9/2020, tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đối tượng nghiên cứu

Các phòng khám chuyên khoa tư nhân; Người chịu trách nhiệm chuyên môn của phòng khám chuyên khoa tư nhân; cán bộ quản lý hoạt động HNYTN.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Tổng số cơ sở HNYTN trên địa bàn thành phố Việt Trì là 82 cơ sở. Nghiên cứu chọn cỡ mẫu tối thiểu, theo từng nhóm chuyên khoa đại diện, gồm: 30 phòng khám chuyên khoa tư nhân (05 phòng khám Nội tổng hợp; 08 phòng khám Sản phụ khoa; 08 phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt; 04 phòng khám chuyên khoa da liễu; 05 phòng khám chuyên khoa khác).

Thực hiện phỏng vấn sâu 30 người chịu trách nhiệm chuyên môn tại phòng khám chuyên khoa tư nhân và 05 cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HNYTN thuộc Sở Y tế, phòng Y tế thành phố.

Biến số, chủ đề nghiên cứu

Các nhóm biến số trong nghiên cứu định lượng gồm:

Thông tin chung: Loại hình hành nghề, Số lượt KCB trung bình/ năm, Người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở KCB: Tuổi, Giới tính, Trình độ chuyên môn, Số năm hành nghề.

Tuân thủ quy định về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, người hành nghề KCB, chuyên môn

Nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới việc chấp hành các quy định về HNYTN.

Công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng bảng thu thập số liệu thứ cấp đang lưu tại Sở Y tế (SYT) về kết quả đánh giá cơ sở HNYTN những năm trước. Bảng kiểm quan sát đã được SYT xây dựng dựa trên quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và các văn bản quy phạm pháp luật. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân sự dựa theo các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 109/2016/NĐ-CP; Về phạm vi hành nghề dựa trên cơ sở danh mục kỹ thuật cơ sở được Sở Y tế quyết định phê duyệt ban hành kèm giấy phép hoạt động KCB; Quy định về xử lý chất thải y tế: Quy định tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT về quản lý chất thải Y tế.

Xử lý và phân tích số liệu

Tất cả số liệu thu thập trong quá trình nghiên cứu được xử lý thô (làm sạch) sau đó được mã hóa và nhập liệu vào máy tính bằng phần mềm Epidata. Sau đó, số liệu nghiên cứu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 18.0.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được sự đồng ý của Hội đồng đạo đức trường Đại học Y tế Công cộng thông qua tại Quyết định số 268/2020/YTCC-HD3 cấp ngày 31/05/2020.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tuân thủ các quy định của nhà nước về HNYTN

30 phòng khám chuyên khoa trên địa bàn thành phố Việt Trì bao gồm các chuyên khoa Phụ sản, RHM, Nội tổng hợp, da liễu và các chuyên khoa khác (Mắt, ngoại tổng hợp, xét nghiệm, TMH). Trình độ chuyên môn của người chịu trách nhiệm chuyên môn (CTNCM) tại 30 cơ sở HNYTN gồm: 05 tiến sĩ/bác sĩ chuyên khoa cấp II (chiếm tỷ lệ 16,7%); 16 thạc sĩ/bác sĩ chuyên khoa cấp I (chiếm 53,3%) và 09 bác sĩ (chiếm tỷ lệ 30,0%).

Bảng 1. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất (n=30)

Cơ sở	Không đạt		Đạt	
	n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	0	0	5	100
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	0	0	8	100
Phòng khám chuyên khoa RHM	1	12,5	7	87,5
Phòng khám chuyên khoa da liễu	2	50	2	50,0
Phòng khám chuyên khoa khác	1	20	4	80,0
Tổng số	4	13,3	26	86,7

Kết quả nghiên cứu cho thấy 04/30 cơ sở chưa đảm bảo các tiêu chí về điều kiện cơ sở vật chất.

Bảng 2 . Tiêu chuẩn về xử lý chất thải y tế (n=30)

Cơ sở	Không đạt		Đạt	
	n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	2	40,0	3	60,0
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	2	25,0	6	75,0
Phòng khám chuyên khoa RHM	3	37,5	5	62,5
Phòng khám chuyên khoa da liễu	1	25,0	3	75,0
Phòng khám chuyên khoa khác	2	40,0	3	60,0
Tổng số	10	33,3	20	66,7

10/30 cơ sở (tỷ lệ 33,3%) không đạt tiêu chuẩn về xử lý chất thải y tế theo quy định.

Bảng 3. Tiêu chuẩn về phương tiện vận chuyển cấp cứu trong và ngoài cơ sở (n=30)

Cơ sở	Không đạt		Đạt	
	n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	1	20,0	4	80,0
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	3	37,5	5	62,5
Phòng khám chuyên khoa RHM	5	62,5	3	37,5
Phòng khám chuyên khoa da liễu	4	100	0	0
Phòng khám chuyên khoa khác	1	20,0	4	80,0
Tổng số	14	46,7	16	53,3

Có tới 14/30 cơ sở chiếm 46,7% số cơ sở chưa vận chuyển cấp cứu trong và ngoài cơ sở.
đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn về phương tiện

Bảng 4. Tuân thủ các quy chế chuyên môn (n=30)

Cơ sở	Vi phạm		Không vi phạm	
	n	%	n	%
Phòng khám Nội tổng hợp	2	40,0	3	60,0
Phòng khám chuyên khoa phụ sản	3	37,5	5	62,5
Phòng khám chuyên khoa RHM	5	62,5	3	37,5
Phòng khám chuyên khoa da liễu	1	25,0	3	75,0
Phòng khám chuyên khoa khác	2	40,0	3	60,0
Tổng số	13	43,3	17	56,7

Có 13/30 cơ sở không tuân thủ các quy chế chuyên môn theo quy định (chiếm tỷ lệ 43,3%): “Việc không tuân thủ quy chế chuyên môn chủ yếu là việc hành nghề vượt quá phạm vi chuyên môn đã được phê duyệt”- (PVS- Sở Y tế).

Ngoài ra, có tới 70,0% số cơ sở biển hiệu không đúng quy định. Trong số các cơ sở có hoạt động quảng cáo, còn 16,7% cơ sở quảng cáo không đúng quy định. Lỗi vi phạm chủ yếu là quảng cáo quá phạm vi hoạt động chuyên môn.

Một số yếu tố ảnh hưởng tới việc tuân thủ các quy định về HNYTN

Công tác quản lý HNYTN

Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn kiểm tra năm 2017 là 22 lượt, trung bình 0,73 lượt/1 cơ sở; năm 2018 kiểm tra 29 lượt trung bình 0,97 lượt/cơ sở; năm 2019 kiểm tra 25 lượt trung bình đạt 0,83 lượt/cơ sở. Tuy nhiên, số lượt kiểm tra tại các cơ sở HNYTN không đồng đều, có cơ sở một năm các cơ quan nhà nước kiểm tra từ 5 - 7 lần, có cơ sở từ khi đi vào hoạt động trong vòng 03 năm không được cơ quan quản lý nhà nước đến thực hiện kiểm tra.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn

6,7% người chịu trách nhiệm chuyên môn (CTNCM) không trả lời được hoặc trả lời được rất ít các nội dung cơ bản của các văn bản quy định về HNYTN; 60,0% người CTNCM trả lời được nhưng không đầy đủ các nội dung của văn bản (Trả lời đúng từ 3-7/10 câu hỏi).

Có 14,3% các cơ sở trả lời là không nắm được văn bản quy định pháp luật về HNYTN, 42,9% các cơ sở cho rằng văn bản khó thực hiện. 35,7% các cơ sở có ý kiến khác, ví dụ chưa quan tâm tới việc đầu tư thời gian nghiên cứu thực thi văn bản quy định, do bận nhiều công việc, hoặc các văn bản quá nhiều, thay đổi quá nhanh không kịp thực hiện theo.

BÀN LUẬN

Đánh giá tuân thủ quy định về HNYTN

Số các cơ sở đạt các điều kiện chung về cơ sở vật chất chiếm tỷ lệ 86,7%. Điều này phù hợp với tính chất của các cơ sở HNYTN luôn quan tâm đến bố trí các điều kiện phục vụ người bệnh nhằm thu hút khách hàng. 04/30 cơ sở chưa đảm bảo các tiêu chí về điều kiện cơ sở vật chất do không tách biệt với sinh hoạt gia đình hoặc chưa bố trí khu vực tiệt trùng dụng cụ riêng biệt.

10/30 cơ sở (tỷ lệ 33,3%) không đạt tiêu chuẩn về xử lý chất thải y tế theo quy định vì phân loại chất thải không đúng còn để lẫn chất thải lây nhiễm với chất thải thông thường. Tỷ lệ này cao hơn với nghiên cứu của tác giả Lê Quang Lộc năm 2017 tại thành phố Yên Bái là 24,7% (28). Để đảm bảo xử lý rác thải y tế đúng cần tiếp tục tập huấn cho các cơ sở này về các quy định này, đồng thời cần tăng cường công tác kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm

Còn 04 cơ sở (13,3%) chưa đạt tiêu chuẩn về người chịu trách nhiệm chuyên môn (CTNCM)

CT vì họ chỉ đứng tên đăng ký để người khác hoạt động thực tế không có mặt tại cơ sở. Trong các đợt thanh tra, kiểm tra đều không được phát hiện, lý do có lẽ là do các đợt thanh tra, kiểm tra thường được thông báo trước, hoặc khi kiểm tra ở một cơ sở thì các cơ sở khác đã biết và có sự chuẩn bị. Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn về người hành nghề khám bệnh chữa bệnh là 93,3%. Thực tế hầu hết các cơ sở Phòng khám chuyên khoa da liễu, chuyên khoa nội, nhi chỉ có 01 người làm việc vừa là người hành nghề khám chữa bệnh.

Về tiêu chuẩn về phương tiện vận chuyển cấp cứu, có 14/30 cơ sở (46,7%) chưa đảm bảo điều kiện. Hầu hết các cơ sở này thiếu trang thiết bị về sơ cấp cứu ban đầu. Nguyên nhân do các cơ sở chưa từng xảy ra trường hợp cần phải cấp cứu nên không trang bị là không thực hiện đúng quy định yêu cầu tất cả các cơ sở khám chữa bệnh phải đảm bảo trang thiết bị cấp cứu ban đầu theo Luật KB, CB quy định một trong những hành vi bị cấm là: “Từ chối hoặc cố ý chậm cấp cứu người bệnh” (5). Như vậy bắt buộc các cơ sở KB, CB phải đảm bảo các điều kiện, phương tiện cấp cứu người bệnh.

Tỷ lệ các cơ sở vi phạm các quy chế chuyên môn là rất cao 13/30 (43,3%), đặc biệt là phòng khám chuyên khoa RHM. Việc các cơ sở chỉ quan tâm đến việc khám phát hiện bệnh và điều trị khỏi bệnh khi đến khám mà chưa quan tâm đến các ảnh hưởng sau khám chữa bệnh tại cơ sở đến người bệnh cần được chấn chỉnh và xử lý. Quan điểm này của các chủ cơ sở vừa mang tính lợi nhuận, vừa thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người thầy thuốc trước bệnh nhân của mình.

100% các cơ sở có biển hiệu, nhưng chỉ có 30,0% cơ sở có biển hiệu đúng quy định, có tới 70,0% số cơ sở biển hiệu không đúng quy định. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Lê Quang Lộc năm 2017 tại thành phố Yên Bái là 80,5% (4). Thực tế qua ý kiến của các nhà quản lý công tác kiểm tra mới chỉ tập trung và chuyên môn, chưa chú trọng tới việc kiểm tra về biển hiệu và quảng cáo vì còn coi đây là nhiệm vụ của cơ quan văn hóa.

Trong số các cơ sở có hoạt động quảng cáo, còn 16,7% cơ sở quảng cáo không đúng quy định. Số cơ sở vi phạm quy định về quảng cáo nhiều

nhất là Phòng khám chuyên khoa RHM chiếm 37,5% với lỗi vi phạm chủ yếu là quảng cáo quá phạm vi hoạt động chuyên môn.

Một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động HNYTN

Công tác quản lý HNYTN

Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra hành nghề y tế có vai trò quan trọng, ảnh hưởng lớn đến việc tuân thủ quy định HNYTN. Tuy nhiên, số lượt các cơ quan thanh tra tiến hành hàng năm đạt từ 0,17 đến 0,23 lượt/năm. Số các cơ sở bị xử phạt năm trung bình 0,07 đến 0,1 lượt/cơ sở. Lý do tỷ lệ thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) còn gặp nhiều khó khăn do lực lượng còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên chưa tập trung vào thanh tra xử lý các cơ sở HNYTN đã được cấp phép nên đã để xảy ra tình trạng trên. Lực lượng tiến hành thường xuyên nhất là cơ quan công an và phòng Y tế thành phố. Chính quyền địa phương cấp phường, xã có tiến hành kiểm tra về hoạt động HNYTN, nhưng số lượng còn rất ít.

Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra cũng có ảnh hưởng quan trọng đến việc tuân thủ quy định HNYTN. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy để hạn chế vi phạm thì việc thanh tra, kiểm tra các cơ sở HNYTN ít nhất 01 lần trong năm là phù hợp và có thể thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hành nghề. Việc được thanh tra, kiểm tra thường xuyên sẽ giúp cho chủ cơ sở hiểu rõ được các quy định mới và ý thức được trách nhiệm hành nghề của mình, kịp thời trao đổi những vướng mắc nảy sinh trong quá trình hành nghề nên sẽ giảm được các vi phạm. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy Ngân năm 2006 cho thấy có mối liên quan giữa tỷ lệ vi phạm quy chế chuyên môn tăng cao với số lần thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý dưới 3 lần/năm (6)

Người chịu trách nhiệm chuyên môn

14,3% các cơ sở trả lời là không nắm được văn bản quy định pháp luật về HNYTN, 42,9% các cơ sở cho rằng văn bản khó thực hiện. 35,7% các cơ sở có ý kiến khác (chủ yếu chưa quan tâm, bận nhiều công việc, văn bản quá nhiều, thay đổi quá nhanh không kịp thực hiện theo). Việc các cơ sở trả lời không nắm được văn bản quy định về pháp luật (14,3%) là không hợp lý, bởi khi đăng ký hành nghề các cơ sở

này đã được thẩm định và cấp phép, được phổ biến văn bản hàng năm, với công nghệ thông tin hiện nay người HNYTN dễ dàng tìm kiếm thông tin trên các trang mạng pháp luật. Về lý do văn bản khó thực hiện (42,9%) cũng chưa hợp lý bởi các quy định này các cơ sở này phải đạt khi thẩm định mới được cấp phép hoạt động. Việc có tới (35,7%) cơ sở tự nhận lỗi do nguyên nhân chủ quan bản thân người CTNCM cho thấy cần tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm mới giải quyết được vấn đề này.

Phần lớn người CTNCM không trả lời được hoặc trả lời không đầy đủ các nội dung của văn bản quy định về HNYTN. Lý do chính là do họ đang làm việc tại các cơ sở y tế công lập nên không tham gia được các buổi tập huấn phổ biến quy định về hành nghề YDTN tổ chức trong giờ hành chính.

KẾT LUẬN

Để các cơ sở tuân thủ quy định về HNYTN, Sở Y tế cần tăng cường hơn nữa đến công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính về

HNYTN. Người CTNCM cần cập nhật thông tin và nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện HNYTN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020. Hà Nội; 2019.
2. Sở Y tế Phú Thọ. Báo cáo công tác thanh tra năm 2019. 2019.
3. Chính phủ. Nghị định số 109/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 2016.
4. Lộc Lê Quang. Đánh giá hoạt động hành nghề Y tế tư nhân trên địa bàn thành phố Yên Bái năm 2017: trường Đại học Y tế công cộng; 2017.
5. Quốc Hội. Luật Khám bệnh, chữa bệnh. 2009.
6. Nguyễn Thị Thúy Ngân Thực trạng chấp hành pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân và một số yếu tố liên quan tại các cơ sở hành nghề y tư nhân quận Đống Đa, Hà Nội: Trường Đại học Y tế công cộng; 2006.

Assessment of compliance with regulations on private medicine practice of specialised clinics in Viet Tri City, Phu Tho province, 2020

Hoang Cam Viet¹, Nguyen Thi Thuy Nga²

¹Phu Tho Department of Health

²Hanoi University of Public Health

Objectives: To assess compliance with regulations on private medical practice and analyze some influencing factors at specialized clinics in Viet Tri city, Phu Tho province, by 2020. **Research method:** Cross-sectional descriptive study with analysis, combining quantitative with qualitative. **Directly observed** 30 private medical practice establishments, combined with in-depth interviews with professional responsible persons and 05 managerial staff. **Results:** The results showed that some facilities did not meet the criteria, including: 04/30 facilities did not meet the criteria for facility conditions; 10/30 facilities have not yet achieved medical waste treatment; 14/30 facilities lacked conditions of emergency transportation equipment; 13/30 facilities did not comply with the professional regulations as prescribed; There are two main factors that affect private medical practice: The irregular inspection and supervision and the person in charge of professional practice has not fully complied with the provisions of private medical practice. **Conclusion:** It is necessary to strengthen inspection, examination and propagation and dissemination of legal regulations to private medical practice facilities.

Keywords: Private medical practice, private clinics, specialist clinics